

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2

Ngành đào tạo: Tất cả các ngành đào tạo ( trừ Ngôn ngữ Anh)

### 1. Thông tin chung về học phần

#### Tên học phần:

Tiếng Việt: Tiếng Anh 2

Tiếng Anh: English 2

#### Mã học phần:

#### Số tín chỉ: 4

#### Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: (số lượng tiết)

- + Lý thuyết: (37 tiết lý thuyết)
- + Bài tập nhóm và thảo luận: (18 tiết làm bài tập)
- + Thực hành: (22 tiết thực hành)
- + Kiểm tra (3 tiết)

#### Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Ngoại ngữ

#### Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

- Tên: Ths. Hoàng Thị Xuân Hồng
- Chức danh: Giảng viên khoa Ngoại ngữ
- Thông tin liên hệ: (điện thoại, email): 0983800715, pinkriver157@gmail.com

### 2. Các môn học tiên quyết: Tiếng anh 1

### 3. Mục tiêu của học phần:

**3.1. Mục tiêu chung:** Sau khi học xong học phần Tiếng Anh 2, sinh viên có thể:

- Sử dụng vốn kiến thức nền tảng về ngữ pháp, từ vựng, phát âm đã được củng cố trong quá trình học để làm các dạng bài tập cơ bản cũng như chủ động tương tác hơn trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

### 3.2. Mục tiêu cụ thể:

*[Mục tiêu là các nội dung chung, hướng đi và cái muốn đạt được của một học phần từ quan điểm của người dạy]*

Về kiến thức: Kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Phát âm tương đối rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.
- Có vốn kiến thức ngữ pháp cơ bản về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản;
- Sử dụng các cấu trúc câu cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc.
- Có đủ vốn từ để thực hiện những giao dịch đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

Về kỹ năng: Sinh viên được phát triển 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết ở mức sơ cấp liên quan đến các tình huống quen thuộc hàng ngày.

Về thái độ:

- Có ý thức rèn luyện, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc trong đời sống.

## 4. Chuẩn đầu ra của học phần

*[Chuẩn đầu ra của học phần là kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi cần đạt được của sinh viên sau khi kết thúc học phần].*

### 4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên:

**CLO 01:** Có khả năng **nhớ** được, liệt kê được toàn bộ chủ điểm ngữ pháp, các thời cũng như cấu trúc câu cơ bản đã được học.

**CLO 02:** Có khả năng **hiểu** được, diễn đạt, giải thích được cách sử dụng của từng thời cũng như các cấu trúc câu trong từng ngữ cảnh và tình huống giao tiếp cụ thể.

**CLO 03:** Có khả năng **vận dụng**, áp dụng được những kiến thức đã học để làm các bài tập thực hành, sử dụng ngôn ngữ và cấu trúc câu linh hoạt hơn trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

**CLO 04:** Có khả năng **phân tích**, đối chiếu, so sánh, chỉ ra được sự khác biệt của các tình huống, ngữ cảnh để chọn lựa từ vựng và các thời thích hợp.

**CLO 05:** Có khả năng **đánh giá**, liên kết được kiến thức cũ và mới nhằm tích lũy cho bản thân những phương án tối ưu cho mỗi dạng bài tập, mỗi tình huống giao tiếp.

**CLO 06:** Có khả năng **sáng tạo**, đưa ra được nhiều tình huống giao tiếp khác nhau để thực hành ngôn ngữ.

#### 4.2. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

[Ghi chú: Khi xây dựng bảng này, xem mục 5.1 để về các hình thức kiểm tra, đánh giá mà giảng viên sử dụng khi giảng dạy học phần]

Hình thức đánh giá	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
<b>Chuyên cần</b> (tham gia đủ 100% số buổi)	H	H				
<b>Hoạt động cá nhân tại lớp</b> (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của gv)		M	M	M		
<b>Hoạt động cá nhân tại nhà</b> (tự học ở nhà theo giáo trình tự học được cung cấp)	M	H	M	M	M	L
<b>Hoạt động nhóm</b> (thảo luận các câu hỏi và đưa ra ý kiến. Đọc, dịch, trả lời câu hỏi các đoạn văn)	M	M			M	L
<b>Thực hành</b> (roleplay các tình huống giao tiếp)	M	M	M			L
<b>Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)</b>	H	H	M	M	L	
<b>Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)</b>	H	H	H	M	L	L

#### 4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
<b>Dạy học nhóm</b>	H	H	M	M	L	M
<b>Nghiên cứu tình huống điển hình</b> (Case study)		M	M	M	L	M

<b>Trò chơi</b> (Gamification)	H	H				
<b>Dạy học theo dự án</b> (Project-based learning)		H			M	M
<b>Nêu và giải quyết vấn đề</b>		M	M	M	L	L
<b>Sử dụng công nghệ trong dạy học</b> (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng)	H					

#### 4.4. Ma trận nhất quán các bài học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Chú thích: I: Introduction/ Giới thiệu

P: Proficient/ Thuần thục, đủ

A: Advanced/ Nâng cao

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
<b>Bài 7. (Elementary)</b>		I	I	I		I
<b>Bài 8. (Elementary)</b>		A	P	I	P	
<b>Bài 9. (Elementary)</b>	P	P	A		P	P
<b>Bài 1. (Pre- intermediate)</b>	A			I	I	I
<b>Bài 2. (Pre- intermediate)</b>	I	I		I	I	I
<b>Bài 3. (Pre- intermediate)</b>	P	P	P		I	I

#### 5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học
- Đi học đầy đủ, đúng giờ và tích cực tham gia vào bài học và các hoạt động trên lớp
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao và nộp bài đúng thời hạn;
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ

- Tham gia thi kết thúc học phần.

- .....

## **6. Học liệu:**

### **6.1. Tài liệu bắt buộc:**

- Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Elementary Student's book*, Oxford University Press (2007);

- Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Elementary Workbook*, Oxford University Press (2007)

- Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Pre- Intermediate Student's book*, Oxford University Press (2007);

- Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Pre- Intermediate Workbook*, Oxford University Press (2007)

### **6.2. Tài liệu tham khảo:**

- Murphy, Raymond, *English Grammar in Use*, (Trần Mạnh Tường dịch và chú giải) NXB Văn hóa – Thông tin (2012)

- Michael McCarthy, Felicity O'Dell, *English Vocabulary in Use Pre- Intermediate*, Cambridge University Press (2010)

- Jonathan Marks, *English Pronunciation in Use Pre- Intermediate*, Cambridge University Press (2007)

## **7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung học phần Tiếng Anh cơ bản 2 là khối lượng kiến thức của 06 bài trong đó gồm 03 bài (7, 8, 9) trong cuốn giáo trình *New English File – Elementary* và 03 bài (1,2,3) trong cuốn giáo trình *New English File - Pre – Intermediate* do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Seligson biên soạn. Mô tả vắn tắt nội dung học phần được liệt kê trong bảng sau:

<b>Ngữ pháp</b>	Các thì: hiện tại đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn, tương lai gần Tính từ sở hữu; Đại từ tân ngữ; Đại từ sở hữu; Sở hữu cách
-----------------	---

	Câu điều kiện loại 1 Giới từ chỉ thời gian, nơi chốn Tính từ, trạng từ So sánh hơn và so sánh nhất của tính từ
<b>Từ vựng</b>	Động từ nguyên thể; động từ + ing; Đồ dùng gia đình; thức ăn; danh từ số ít/số nhiều Các bộ phận cơ thể; trang phục Cụm động từ Giới từ chỉ địa điểm; giới từ chỉ thời gian và địa điểm Các trạng từ thường dùng; phân từ quá khứ; tính từ trái nghĩa
<b>Phát âm</b>	Trọng âm câu Cách phát âm một số âm tiết và nguyên âm đôi Nhóm phụ âm Phân từ quá khứ bất quy tắc
<b>Nghe nói</b>	Chủ đề: các tình huống quen thuộc trong đời sống hàng ngày: ăn uống, du lịch, thời tiết Kỹ năng: nghe và phát hiện một số thông tin chi tiết Kỹ năng: nghe và nắm ý chính, nghe thông tin chi tiết
<b>Đọc hiểu</b>	Đọc để tăng cường vốn từ về các chủ đề quen thuộc: bản thân, gia đình, bè bạn, đất nước, con người, công việc, cuộc sống, giải trí
<b>Viết</b>	Viết theo mẫu: viết thư/email giới thiệu bản thân, viết bưu thiếp; Viết theo mẫu: bưu thiếp, hướng dẫn hoạt động, đặt phòng khách sạn, viết một đoạn văn ngắn miêu tả bản thân, kể về một ngày làm việc

### 8. Kế hoạch giảng dạy:

	<b>Ngữ pháp</b>	<b>Từ vựng</b>	<b>Phát âm</b>	<b>Nghe nói</b>	<b>Đọc</b>	<b>Tự học</b>	<b>Time</b>
<b>Unit 7</b>							
<b>A. What does your food say about you?</b>	a/an, some/any	Food, countable/ uncountable nouns	The letters <i>ea</i>	Talk about food and recipe		Self-study material	<b>9 tiết trên lớp + 4 tiết tự học</b>
<b>B. How much water do we really need?</b>	How much/ how many? Quantifiers	drinks	Consonants sounds: /w/, /v/, /b/	Interview partners to find Who drink more	Water: facts and myths?	<b>English 2</b> (File 1)	







<b>phần)</b>							
<b>Unit 2</b>							
<b>A. Right place, wrong time</b>	Past simple regular and irregular verbs	Holidays	-ed endings, irregular verbs	Your last holiday	The holiday magazine	Self-study material	<b>9 tiết trên lớp + 4 tiết tự học</b>
<b>B. A moment in time</b>	Past continuous	Prepositions of time and place	Vowel sound: /ə/	Famous photos		<b>English 2</b> (File 5)	
<b>C. Fifty years of pop</b>	Questions with and without auxiliaries	Question words, pop music	Consonant sound: /w/ and /h/		Who wrote Imagine?		
PRACTICAL ENGLISH: At the conference hotel Vocabulary: <i>US and UK English</i> .				Function: Calling reception			
WRITING: The story behind a photo							
REVISE & CHECK: What do you remember? What can you do?							
<b>Unit 3</b>							
<b>A. Where are you going?</b>	<i>Going to, present continuous (future arrangement)</i>	Look (after, for, etc.)	Sentence stress		Airport stories	Self-study material	<b>9 tiết trên lớp + 4 tiết tự học</b>
<b>B. The pessimist's phrase book</b>	Will/ won't	Opposite verbs	Contractions (will/ won't), /ɔ/ and / ə ʊ /	Are you a positive thinker?		<b>English 2</b> (File 6, review 3)	
<b>C. I'll always love you</b>	Will/ won't (promises, offers, decisions)	Verb + back	Word stress; two-syllables words	Song: <i>White Flag</i>	Promises, promises		
PRACTICAL ENGLISH: Restaurant problems				Function: Expressing problems with a meal			

Vocabulary: Menu	
WRITING: An informal letter	
REVISE & CHECK: What do you remember? What can you do?	
<b>PROGRESS TEST 3:</b> - <i>Contents:</i> Pronunciation, grammar, vocabulary (Units 2,3) - <i>Skills:</i> Listening, Reading, Writing, <b>Speaking</b>	

### 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường được bố trí sắp xếp ngay khi có lịch báo giảng
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy tính, máy chiếu, đài, loa, mic cho giảng viên.

### 10. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

#### 10.1 Tiêu chí đánh giá:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1.	Điểm chuyên cần: đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ sinh viên	Điểm đánh giá cho cả học phần	10%
2.	Điểm kiểm tra định kỳ	Điểm trung bình của các điểm	30%
3.	Điểm thi hết học phần	Điểm đánh giá cho cả học phần	60%

#### 10.2. Cách tính điểm

- Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp sẽ không được tham dự thi kết thúc học phần và nhận điểm 0 cho lần thi thứ nhất;

- Điểm đánh giá thành phần được chấm theo thang điểm 100 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng hợp điểm của tất cả các điểm thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

#### 10.3 Hình thức đánh giá

Hình thức	Phần trăm	Yêu cầu chung, mục đích, cơ sở lý luận, minh chứng
-----------	-----------	--

<b>Kiểm tra-đánh giá thường xuyên trên lớp</b>	10%	<b>Yêu cầu chung:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp</li> <li>• Sinh viên tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài</li> <li>• Sinh viên làm việc nhóm, thảo luận các câu hỏi được nêu ra trong bài</li> <li>• Sinh viên không sử dụng điện thoại, nói chuyện, làm việc riêng trong lớp</li> </ul>
<b>Kiểm tra- đánh giá định kỳ</b>  2 bài kiểm tra trong quá trình học (progress Test1,2)	30%  <b>20%</b>	<b>Yêu cầu chung:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sinh viên nghiên cứu kỹ kiến thức đã được học</li> <li>• Vận dụng tốt vào các bài tập tương ứng từng nội dung học trên lớp và các bài tập bổ trợ ngoài cùng chủ điểm.</li> </ul> <b>Mục đích:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khuyến khích sinh viên tự ôn tập, đánh giá mức độ hiểu và vận dụng lý thuyết vào thực hành để có điều chỉnh kịp thời cho bản thân.</li> <li>• Dựa vào kết quả bài kiểm tra để có những điều chỉnh thích hợp trong quá trình giảng dạy.</li> </ul> <b>Cơ sở lý luận:</b> Hoạt động tổng hợp, tóm tắt lại kiến thức đã học giúp sinh viên củng cố và có khả năng vận dụng tốt hơn vào các bài tập thực hành . <b>Minh chứng:</b> Sinh viên sẽ được đánh giá mức độ nhớ, hiểu, vận dụng những kiến thức đã học dựa trên kết quả của bài kiểm tra.
Điểm trung bình của các bài chấm trong tài liệu tự học và kết quả các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm trên lớp.	10%	<b>Yêu cầu chung:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho các hoạt động nhóm và trình bày kết quả.</li> <li>• Hoàn thành tốt các bài tập trong tài liệu tự học sau mỗi buổi học trên lớp.</li> </ul> <b>Mục đích:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khuyến khích sinh viên tự ôn tập qua các bài tập bám sát nội dung học</li> </ul>

		<p>trong tài liệu tự học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tích cực tư duy, phân tích và sử dụng ngôn ngữ một cách chủ động, sáng tạo hơn trong các tình huống cụ thể được phân công.</li> </ul> <p><b>Cở sở lý luận:</b> Hoạt động này giúp sinh viên kết hợp thuận thực hơn giữa lý thuyết và thực hành, phát triển đều cả kỹ năng làm bài và kỹ năng nghe nói.</p> <p><b>Minh chứng:</b> Sinh viên sẽ được đánh giá mức độ nhớ, hiểu, vận dụng những kiến thức đã học dựa trên kết quả của bài tập được giao và kết quả của các hoạt động nhóm.</p>
<b>Thi hết học phần</b>	<b>60%</b>	<p><b>Yêu cầu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh viên ôn tập, tóm tắt lại toàn bộ kiến thức, từ vựng, chủ điểm ngữ pháp đã học</li> <li>Làm lại các bài tập thực hành tương ứng với từng chủ điểm lý thuyết.</li> <li>Tham khảo các dạng bài tập tương tự</li> </ul> <p><b>Mục đích:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kết quả của bài kiểm tra- đánh giá là căn cứ để phản ánh tình hình giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên, so sánh kết quả đạt được với chuẩn đầu ra từ đó có những đánh giá về mức độ phù hợp giữa cách thức, phương pháp với đặc điểm của đối tượng.</li> </ul>

#### 10.4. Lịch làm và nộp bài tập

<b>Bài tập</b>	<b>Lịch nộp</b>
File bài tập tự học tương ứng với bài học trên lớp.	Giảng viên gọi bất kỳ một số bài nhất định chấm điểm kết hợp chữa bài trên lớp đầu giờ mỗi bài học mới.
Tổng hợp các bài tập	Giảng viên quyết định

*10.5. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá:*

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh biện.
- .....

*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

**Hiệu trưởng**

**P.Trưởng Khoa**

**Trưởng BM**

**Người soạn đề cương**

PGS.TS. Phạm Ngọc Ánh

Ths. Nguyễn Thị Định

Ths. Nguyễn Thị Định

Ths. Nguyễn Thị Định